

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28

03
CỘ
Ổ
J
i
N
T.A

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Điền Nghệ Thần	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Lý Tiên Lệ	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Ngọc Nam
Phó Tổng Giám đốc

(Theo Ủy quyền ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Tổng Giám đốc)

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



Số: 251 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Tại ngày 07 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Thông báo số 4469/TB-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất- UBND Thành phố Hạ Long - về việc làm thủ tục để tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Công viên Đại Dương theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành với số tiền đền bù theo Quyết định này là 164.540.250.000 VND. Công ty đã nhận được số tiền đền bù này vào ngày 08 tháng 8 năm 2017.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.161.386	14.597.914
I. Tiền	110	4	2.102.646	3.213.943
1. Tiền	111		2.102.646	3.213.943
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.521.883	10.868.421
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.531.099	2.943.162
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		738.978	689.894
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	7.274.906	7.241.634
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(23.100)	(6.269)
III. Hàng tồn kho	140	8	484.827	506.236
1. Hàng tồn kho	141		519.613	541.022
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.786)	(34.786)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.030	9.314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		52.030	9.314
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.476.091	45.680.109
I. Tài sản cố định	220		40.735.205	42.072.093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	39.828.995	41.046.511
- Nguyên giá	222		53.588.149	53.592.735
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.759.154)	(12.546.224)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	906.210	1.025.582
- Nguyên giá	228		4.479.278	4.477.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.573.068)	(3.451.939)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.565.665	2.417.788
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.565.665	2.417.788
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	419.411	419.411
IV. Tài sản dài hạn khác	260		755.810	770.817
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		353.233	386.166
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	27.825	26.161
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		374.752	358.490
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		58.637.477	60.278.023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.721.322	13.959.887
I. Nợ ngắn hạn	310		8.054.947	7.928.800
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	528.232	404.519
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.170.333	811.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	798.262	605.005
4. Phải trả người lao động	314		654.959	804.089
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		16.838	19.376
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.083	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	706.363	992.406
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	4.178.877	4.291.565
II. Nợ dài hạn	330		5.666.375	6.031.087
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	3.645.533	3.645.533
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.904.814	2.261.015
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		116.028	124.539
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.916.155	46.318.136
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	44.916.155	46.318.136
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(3.070.210)	(1.668.229)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.668.229)	(843.100)
- (Lỗ) kỳ này	421b		(1.401.981)	(825.129)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		58.637.477	60.278.023

Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Nam
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

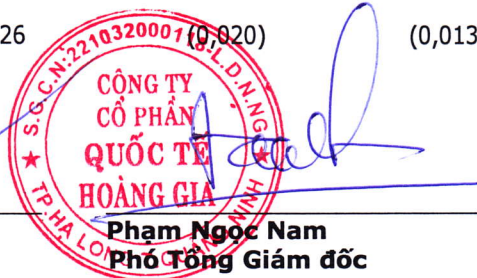
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: USD	
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.204.266	5.666.448
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	17.967
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		-	17.967
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.204.266	5.648.481
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		5.633.142	4.793.795
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		571.124	854.686
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	101.696	93.084
7. Chi phí tài chính	22	23	339.462	409.204
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		298.099	368.044
8. Chi phí bán hàng	25	24	552.255	607.331
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	1.168.381	762.186
10. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(1.387.278)	(830.951)
11. Thu nhập khác	31		45.167	43.790
12. Chi phí khác	32		61.534	74.812
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(16.367)	(31.022)
14. Tổng(Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.403.645)	(861.973)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	-
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	(1.664)	86.921
17.(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.401.981)	(948.894)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(0,920)	(0,013)

Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Nam
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(1.403.645)	(861.973)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.377.694	1.322.610
Các khoản dự phòng	03	8.320	(434.603)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.976	9.987
(Lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05	(8.877)	(12.213)
Chi phí lãi vay	06	298.099	368.044
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	275.567	391.852
Thay đổi các khoản phải thu	09	(737.914)	991.615
Thay đổi hàng tồn kho	10	5.147	(24.302)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	623.690	296.269
Thay đổi chi phí trả trước	12	(9.783)	81.757
Tiền lãi vay đã trả	14	(300.518)	(370.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(143.811)	1.366.703
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(492.983)	(789.852)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.877	12.213
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(484.106)	(777.639)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.665.079	4.026.902
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.149.818)	(3.609.921)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(484.739)	416.981
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.112.656)	1.006.045
Tiền đầu kỳ	60	3.213.943	1.745.303
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.359	(13.475)
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2.102.646	2.737.873



Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng




Phạm Ngọc Nam
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.704 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.815 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét. Số liệu so sánh của Thuyết minh số 20- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh - được trình bày lại cho phù hợp với việc tái cấu trúc các bộ phận của Công ty kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 (xem thêm tại Thuyết minh số 20).



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính trả lời tại Công văn số 7554/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 6 năm 2013. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá quy định về lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và xác định rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là phù hợp với quy định hiện hành cũng như cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:



<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
 Hàng giải khát
 Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
 Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
 Bình quân gia quyền
 Giá đích danh
 Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> USD	<u>Số đầu kỳ</u> USD
Tiền mặt	995.396	1.271.284
Tiền gửi ngân hàng	1.107.250	1.942.659
	<u>2.102.646</u>	<u>3.213.943</u>

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> USD			<u>Số đầu kỳ</u> USD		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	419.411	-	419.411
	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> USD	<u>Số đầu kỳ</u> USD
Đại lý Ta Yang Chen	1.028.697	918.334
Đại lý Long Bay	999.852	1.354.485
Tập đoàn giải trí Kim Long (câu lạc bộ)	600.000	-
Ông Liu Chung Chi	370.000	-
Ông Fu Yu Shing	250.000	-
Ông Tang Yu Hua	150.000	-
Khách đoàn Long Bay	28.745	160.428
Đại lý Chúng Phát	11.034	104.666
Tập đoàn giải trí Kim Long (thuê bao phòng)	-	309.889
Các khoản phải thu khách hàng khác	92.771	95.360
	<u>3.531.099</u>	<u>2.943.162</u>



7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	USD	USD
Phải thu tiền bồi thường (*)	7.245.382	7.234.475
Phải thu khác	29.524	7.159
	7.274.906	7.241.634

(*) Bao gồm giá trị phải thu tiền đền bù giá trị quyền sử dụng đất và đền bù khác từ việc bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND thành phố Hạ Long, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	USD tương đương	VND	USD tương đương
Giá trị đền bù quyền sử dụng đất (i)	164.540.250.000	7.254.861	164.540.250.000	7.254.861
Các khoản đền bù khác (ii)	437.090.000	19.268	405.769.000	17.891
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(28.747)	-	(38.277)
Phải thu tiền bồi thường	164.977.340.000	7.245.382	164.946.019.000	7.234.475

- (i) Giá trị đền bù quyền sử dụng đất là giá trị được phê duyệt với số tiền 164.540.250.000 VND theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành và Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 đính chính Quyết định số 4765/QĐ-UBND về việc nguồn kinh phí sẽ được chi trả từ nguồn Ngân sách tỉnh Quảng Ninh. Các Quyết định này thay thế cho Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 và thu hồi các văn bản trước đây liên quan tới giá trị đền bù quyền sử dụng đất đã công bố là 172.119.334.000 VND. Tại ngày 07 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Thông báo số 4469/TB-PTQD của Trung tâm phát triển quỹ đất- UBND Thành phố Hạ Long - về việc làm thủ tục để tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Công viên Đại Dương theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành với số tiền đền bù theo Quyết định này là 164.540.250.000 VND. Công ty đã nhận được số tiền đền bù này vào ngày 08 tháng 8 năm 2017.
- (ii) Trong kỳ, Công ty nhận được thêm quyết định về các khoản đền bù, hỗ trợ di chuyển tài sản trong Công viên là khoảng 31 triệu VND.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	USD	USD	USD	USD
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	297.554	-	320.879	(2.738)
Hàng hóa	222.059	(34.786)	220.143	(32.048)
	519.613	(34.786)	541.022	(34.786)

9. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	38.357.449	11.729.644	1.223.633	806.379	1.475.630	53.592.735
Tăng do mua sắm	-	-	-	39.049	-	39.049
Thanh lý trong kỳ	-	-	43.635	-	-	43.635
Điều chỉnh khác	(18)	(4)	-	-	22	-
Số dư cuối kỳ	38.357.431	11.729.640	1.179.998	845.428	1.475.652	53.588.149
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	5.240.450	5.536.505	490.513	430.888	847.868	12.546.224
Khấu hao trong kỳ	447.293	538.545	63.465	74.738	132.524	1.256.565
Thanh lý trong kỳ	-	-	43.635	-	-	43.635
Điều chỉnh khác	2	(94)	(1)	-	93	-
Số dư cuối kỳ	5.687.745	6.074.956	510.342	505.626	980.485	13.759.154
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư cuối kỳ	32.669.686	5.654.684	669.656	339.802	495.167	39.828.995
Số dư đầu kỳ	33.116.999	6.193.139	733.120	375.491	627.762	41.046.511

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 36.863.657 USD (31 tháng 12 năm 2016: 37.997.652 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 157.428 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 161.192 USD) và thiết bị đang chờ tiêu hủy với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 152.316 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 152.316 USD).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.499.403 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.685.280 USD).

Tại ngày 26 tháng 6 năm 2017, Công ty đã có Thông báo số 01-26062017TBKS về việc sẽ dừng hoạt động kinh doanh khu vực nhà hát múa rối để cải tạo phục vụ mục đích kinh doanh khác của Công ty và hoạt động này sẽ chính thức dừng từ ngày 11 tháng 7 năm 2017. Nguyên giá tài sản cố định và khấu hao lũy kế của tài sản cố định liên quan đến hoạt động múa rối tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 lần lượt là: 497.164 USD và 151.634 USD đang tạm dừng sử dụng tại thời điểm lập báo cáo và sẽ được chuyển đổi mục đích sử dụng.

10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	4.394.268	83.253	4.477.521
Tăng trong kỳ	-	1.757	1.757
Số dư cuối kỳ	4.394.268	85.010	4.479.278
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	3.383.655	68.284	3.451.939
Khấu hao trong kỳ	118.905	2.224	121.129
Điều chỉnh khác	(76)	76	-
Số dư cuối kỳ	3.502.484	70.584	3.573.068
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối kỳ	891.784	14.426	906.210
Số dư đầu kỳ	1.010.613	14.969	1.025.582

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 61.715 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 61.715 USD).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
Số đầu kỳ	2.417.788	1.583.626
Tăng trong kỳ	267.859	1.812.472
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(839.716)
Giảm khác	(119.982)	(138.594)
Số cuối kỳ	2.565.665	2.417.788

Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	USD	USD
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản	2.039.256	1.863.012
- Chi phí thiết kế dự án mới	251.452	251.085
- Sửa chữa	188.589	217.323
- Chi phí thiết kế công trình đang thi công	86.368	86.368
	2.565.665	2.417.788
Chi tiết xây dựng cơ bản		
- Khu nhà đa năng	1.900.002	1.791.186
- Khu cầu lạc bộ	79.764	71.826
- Khác	59.490	-

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Dự phòng trợ cấp thời việc USD	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi USD	Tổng USD
Số đầu kỳ	24.908	1.253	26.161
Ghi nhận trong kỳ	(1.702)	3.366	1.664
Số cuối kỳ	23.206	4.619	27.825

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	USD	USD	USD	USD
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Công ty TNHH Dự Thành	44.031	44.031	67.134	67.134
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	56.091	56.091	56.017	56.017
Phải trả cho các đối tượng khác	428.110	428.110	281.368	281.368
Cộng	528.232	528.232	404.519	404.519

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ USD	Số đầu kỳ USD
Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (*)	1.133.893	803.893
Khác	36.440	7.947
	1.170.333	811.840

(*) Giá trị ứng trước cho hợp đồng thuê nhà đa năng - xem thêm tại Thuyết minh số 28 về Cam kết cho thuê hoạt động.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ USD	Số phải nộp trong kỳ USD	Số đã thực nộp trong kỳ USD	Số cuối kỳ USD
Thuế giá trị gia tăng	105.400	617.532	468.855	254.077
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.017	10.017	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	330.137	1.122.052	942.192	509.997
Thuế nhập khẩu	-	11.942	11.942	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.691	108.684	91.187	34.188
Thuế khác	152.777	-	152.777	-
Cộng	605.005	1.870.227	1.676.970	798.262

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	USD	USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.855	24.197
- Đại lý Long Bay	6.608	6.599
- Đại lý Kim Long	17.621	17.598
- Công ty TNHH Hoa Sen Hạ Long	4.626	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	677.508	968.209
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	228.823	84.774
+ Chip trôi nổi	214.704	600.553
+ Bảo hành xây dựng	119.302	208.120
+ Kinh phí công đoàn	32.967	-
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	6.611	6.602
+ Khác	75.101	68.160
Cộng	706.363	992.406
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.645.533	3.645.533
- Đại lý Đại Dương Thành	1.500.000	1.500.000
- Đại lý Long Bay	1.145.533	1.145.533
- Đại lý Kim Long	1.000.000	1.000.000
Cộng	3.645.533	3.645.533



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẪN HẠN

	Số đầu kỳ USD		Trong kỳ USD		Số cuối kỳ USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	2.601.642	2.601.642	2.831.922	2.816.355	2.617.209	2.617.209
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	972.492	972.492	844.129	973.386	843.235	843.235
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	717.431	717.431	356.201	355.199	718.433	718.433
	4.291.565	4.291.565	4.032.252	4.144.940	4.178.877	4.178.877

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 60 tỷ VND tương đương 2,64 triệu USD (tỷ giá 22.700 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 30 tháng 10 năm 2017. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 18 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND tương đương 1,32 triệu USD (tỷ giá 22.700 VND/USD) và hết hiệu lực hạn mức vào ngày 31 tháng 5 năm 2017. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 thể hiện các khoản giải ngân trong kỳ và sẽ được trả nợ trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện. Tại ngày 21 tháng 7 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2017/HM/HG-VCBHL với hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND tương đương 881 ngàn USD (tỷ giá 22.700 VND/USD) có thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký. Hợp đồng này thay thế cho hợp đồng hạn mức tín dụng nêu trên, các tài sản thế chấp không thay đổi.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ USD		Trong kỳ USD		Số cuối kỳ USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	2.213.712	2.213.712	-	349.497	1.864.215	1.864.215
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	47.303	47.303	-	6.704	40.599	40.599
	2.261.015	2.261.015	-	356.201	1.904.814	1.904.814



(i) Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,48 triệu USD (tỷ giá 22.700 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2016: 170 tỷ VND).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với số tiền là 1,54 tỷ VND tương đương 67,66 nghìn USD (tỷ giá 22.700 VND/USD), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất cố định 8,8%/năm trong năm đầu tiên và trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam + biên 2,8%/năm từ năm thứ 2 trở đi. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng xe ô tô khách 29 chỗ.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	USD	USD
Trong vòng một năm	718.433	717.431
Trong năm thứ hai	718.433	717.431
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.186.381	1.543.584
	2.623.247	2.978.446
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 17)	(718.433)	(717.431)
Số phải trả sau 12 tháng	1.904.814	2.261.015

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Số dư đầu kỳ trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(841.600)	47.144.765
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(948.894)	(948.894)
Số dư cuối kỳ trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(1.790.494)	46.195.871
Số dư đầu kỳ này	42.309.870	5.027.169	649.326	(1.668.229)	46.318.136
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(1.401.981)	(1.401.981)
Số dư cuối kỳ này	42.309.870	5.027.169	649.326	(3.070.210)	44.916.155

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2016: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ			
	'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Các nhà đầu tư khác	287.081.690	17.214.465	287.081.690	41%	17.214.465	287.081.690	41%
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100%	42.309.870	703.687.540	100%

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty đã quyết định sát nhập 03 bộ phận kinh doanh của Công ty là khách sạn Hoàng Gia Hạ Long, Biệt thự và Ca múa nhạc dân tộc, theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty sẽ chỉ gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:

Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia:

Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau. Số liệu so sánh là số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với bộ phận kinh doanh của kỳ hiện tại.

Kỳ này

	Khách sạn và		Bù trừ	Tổng cộng
	Câu lạc bộ	Biệt thự		
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	2.733.666	3.470.600	-	6.204.266
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	465.778	974.429	-	1.440.207
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(1.464.228)	76.950	-	(1.387.278)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	39.049	1.757	-	40.806
5. Tài sản bộ phận	12.956.067	40.955.108	(13.805.550)	40.105.625
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	18.531.852
Tổng tài sản	12.956.067	40.955.108	(13.805.550)	58.637.477
7. Nợ phải trả bộ phận	15.795.368	9.239.549	(13.805.550)	11.229.367
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.491.955
Tổng Nợ phải trả	15.795.368	9.239.549	(13.805.550)	13.721.322

Kỳ trước

	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia		Bù trừ USD	Tổng cộng USD
	Câu lạc bộ USD	(Trình bày lại) USD		
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	1.064.438	4.584.043	-	5.648.481
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	411.289	946.267	-	1.357.556
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(2.232.355)	1.401.404	-	(830.951)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	381.194	69.033	-	450.227
5. Tài sản bộ phận	11.930.716	54.804.986	(24.491.614)	42.244.088
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	17.755.159
Tổng tài sản	11.930.716	54.804.986	(24.491.614)	59.999.247
7. Nợ phải trả bộ phận	12.078.695	24.502.534	(24.491.614)	12.089.615
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.713.761
Tổng Nợ phải trả	12.078.695	24.502.534	(24.491.614)	13.803.376

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này USD	Kỳ trước USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	350.529	347.740
Chi phí nhân công	4.023.212	3.321.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.377.694	1.322.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	1.602.343	1.171.904
	7.353.778	6.163.312

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này USD	Kỳ trước USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	330	429
Lãi chênh lệch tỷ giá	37.338	41.550
Doanh thu hoạt động tài chính khác	64.028	51.105
	101.696	93.084

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này USD	Kỳ trước USD
Chi phí lãi vay	298.099	368.044
Lỗ chênh lệch tỷ giá	41.363	41.160
	339.462	409.204

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	362.141	349.283
Chi phí dụng cụ sản xuất	12.574	44.479
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.049	25.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.179	40.941
Các chi phí bằng tiền khác	121.312	146.802
	552.255	607.331
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	803.785	778.892
Chi phí dụng cụ sản xuất	20.704	28.860
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.042	26.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.179	128.262
Các chi phí bằng tiền khác	191.671	234.388
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(434.603)
	1.168.381	762.186

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ chi tiết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
(Lỗ) kế toán trước thuế	(1.403.645)	(861.973)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác	311.002	480.173
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	48.482	41.557
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	(1.666.165)	(1.300.589)
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(1.664)	86.921

26. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	(1.401.981)	(948.894)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	(1.401.981)	(948.894)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (USD)	(0,020)	(0,013)

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
VND	4.460.993.364	3.552.494.453
KRW	260.000	1.639.000
JMP	164.970	164.554
THB	38.000	6.500
NTD	1.000	88.200
EUR	50	-
HKD	-	21.100
JPY	-	20.000
SGD	-	100

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị đã đầu tư là 1.900.002 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 833.693 USD.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Cam kết cho thuê hoạt động

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng số 20160126 với Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh về việc cho thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày 28 tháng 02 năm 2026. Tại ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã ký văn bản thỏa thuận với Diệu Doanh, theo đó, thời hạn cho thuê sẽ tính từ thời điểm Công ty bàn giao nhà cho Diệu Doanh, giá trị hợp đồng và các điều khoản khác không thay đổi.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.282.804 USD (31 tháng 12 năm 2016: 1.326.556 USD).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp Bà Nguyễn Tiểu Mai	Công ty mẹ Thành viên hội đồng quản trị

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	USD	USD
Cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn và ăn uống cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	7.991	1.650
Cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn và ăn uống cho Bà Nguyễn Tiểu Mai	3.883	-

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	USD	USD
Thu nhập của Ban Giám đốc	38.790	40.072

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	USD	USD
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	2.156	-
Bà Nguyễn Tiểu Mai	3.263	-
Các khoản phải trả khác		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	-	2.730

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 326.520 USD (kỳ 6 tháng năm 2016: 481.552 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 738.837 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2016: 699.194 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

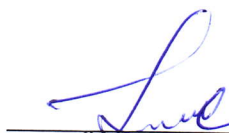
31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày 07 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Thông báo số 4469/TB-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất- UBND Thành phố Hạ Long - về việc làm thủ tục để tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Công viên Đại Dương theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành với số tiền đền bù theo Quyết định này là 164.540.250.000 VND. Công ty đã nhận được số tiền đền bù này vào ngày 08 tháng 8 năm 2017.



Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Nam
Phó Tổng Giám đốc

